

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2025/DS-ST
Ngày 01-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Kim Liên.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Số B - B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S1 - ông Lê Thanh V – chức vụ Phó phòng giao dịch L, Ngân hàng TMCP S1 – Chi nhánh A, theo Giấy ủy quyền ngày 27/5/2024 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số E T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Thái Thị Thúy S, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: A T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải ông Lê Thanh V đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 trình bày:

Ngày 12/5/2023 bà Thái Thị Thúy S có ký với Ngân hàng TMCP S1 Hợp đồng tín dụng số: 01074-00228 để vay số tiền hạn mức 50.000.000 đồng; thời hạn trả là 184 kỳ; số tiền trả mỗi kỳ là 304.700 đồng, kỳ bắt đầu là ngày 12/5/2023, số tiền trả kỳ cuối là 289.300 đồng; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh bánh tráng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 27/5/2024 bà S đã trả được 59 ngày, với tổng số tiền là 16.036.200 đồng; còn nợ Ngân hàng số tiền 38.072.100 đồng (trong đó: vốn là 33.963.800 đồng, lãi 4.108.300 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu bà S phải có nghĩa vụ trả toàn bộ vốn, lãi nêu trên.

Trước đây Ngân hàng TMCP S1 có yêu cầu bà S phải trả lãi phát sinh, nay xác định rút lãi yêu cầu này.

Bị đơn bà Thái Thị Thúy S vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Thái Thị Thúy S vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Ngày 12/5/2023 bà S và Ngân hàng TMCP S1 thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 01074-00228, để vay số tiền 50.000.000 đồng, với hình thức trả góp theo nhiều kỳ.

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Do nguyên đơn rút yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với việc rút yêu cầu đòi bị đơn trả tiền lãi phát sinh, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 12/5/2023 bà S và Ngân hàng TMCP S1 thỏa thuận ký Hợp đồng tín dụng số: 01074-00228, để vay số tiền 50.000.000 đồng, với mục đích bổ sung vốn kinh doanh bánh tráng. Từ khi vay đến nay bà S thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 27/5/2024 bà S còn nợ Ngân hàng số tiền 38.072.100 đồng (trong đó: vốn 33.963.800 đồng, lãi 4.108.300 đồng).

Xét, Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017. Đồng thời, quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Thái Thị Thúy S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi 38.072.100 đồng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều, 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 về việc yêu cầu bị đơn bà Thái Thị Thúy S phải trả lãi phát sinh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đối với bị đơn bà Thái Thị Thúy S: Buộc bà Thái Thị Thúy S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền vốn, lãi tổng cộng là 38.072.100 đồng (trong đó: vốn 33.963.800 đồng, lãi 4.108.300 đồng).

3. Về án phí:

- Bà Thái Thị Thúy S phải chịu 1.903.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 951.000 đồng theo Biên lai thu số: 0002040 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Liên Nguyễn Văn Sơn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi